TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:98/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2023

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Kim Thoa.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh
2. Ông Huỳnh Văn Thanh

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà*: Ông Phạm Minh Đang - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2023 về tranh chấp: "Xin ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 06/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1997. (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn: Anh Võ Thanh T, sinh năm 1994. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:*

Tôi và anh Võ Thanh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn được ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vả, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên tôi có yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu ly hôn anh Võ Thanh T.
- Về con chung: Có 01 con chung là Võ Nguyễn An N, sinh ngày 07/9/2020. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Võ Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp "Xin ly hôn" theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Bị đơn anh Võ Thanh T có địa chỉ tại Ấp Phú Thuận, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T. Chị Nguyễn Thị Cẩm T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt chị T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Võ Thanh T chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/7/2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối tháng 7/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, theo chị T trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, một mình chị T phải đi làm, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mặc dù đã nhiều lần mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với anh T. Xét thấy, anh Võ Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, từ đó thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã phát sinh trong thời gian dài, vợ chồng đã ly thân từ lâu, chị T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 7/2020 đến nay, nhưng phía anh T không chủ động về thăm vợ con là không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T là trầm trọng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Võ Nguyễn An N, sinh ngày 07/9/2020. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện cháu Nhiên đang sống cùng với chị T và đang được mẹ chăm sóc tốt về mọi mặt, đồng thời cháu hiện cũng còn rất nhỏ cần sự chăm sóc quan tâm từ mẹ, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Võ Thanh T.

2/. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Nguyễn An N, sinh ngày 07/9/2020 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Võ Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Võ Thanh T được quyền tới lui thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017355 ngày 16/3/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như đã nộp xong án phí.

4/. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- UBND xã C, HCL, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa